

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TBV24B2
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Động vật hại nông nghiệp(1)	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật(4)	Bệnh cây nông nghiệp(4)	Sinh thái nông nghiệp và PTBV(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2456201160252	Đào Thị Huỳnh	Anh	07/01/2009	6.0	7.2	6.9	8.7	6.1	7.1	8.2	7.1	Khá
02	2456201160253	Võ Chí	Bình	21/12/2009	6.6	9.9	5.9	7.4	5.9	6.2	8.8	6.6	Trung bình
03	2456201160254	Tô Bảo	Chấn	15/10/2009	6.7	5.3	6.5	6.8	3.0	6.0	7.6	5.5	Trung bình
04	2456201160255	Huỳnh Văn Khánh	Duy	08/09/2009	8.3	7.1	6.2	8.8	8.2	7.1	7.6	7.5	Khá
05	2456201160256	Lê Hữu	Điền	17/12/2009	7.7	9.5	7.0	8.3	7.3	6.3	7.3	7.0	Khá
06	2456201160257	Lê Văn Tinh	Em	27/06/2009	7.6	7.4	6.2	7.7	8.3	7.7	8.5	7.8	Khá
07	2456201160258	La Đặng Trường	Giang	13/03/2009	7.1	9.4	6.9	7.4	7.8	6.6	8.8	7.4	Khá
08	2456201160259	Lâm Minh	Giang	23/02/2009	2.8	7.0	6.9	8.1	8.2	7.0	8.6	7.7	Khá
09	2456201160260	Dương Nguyễn Chí	Huy	05/12/2009	6.4	7.6	6.1	7.2	5.9	6.6	7.1	6.4	Trung bình
10	2456201160261	Trần Lê	Huy	23/11/2009	6.5	9.0	6.6	7.0	5.8	5.4	6.4	6.0	Trung bình
11	2456201160264	Trương Tấn	Khang	01/02/2009	7.3	9.0	6.6	8.3	7.4	7.0	8.2	7.3	Khá
12	2456201160265	Lê Văn	Kiệt	02/11/2008	6.3	7.6	6.1	5.0	6.1	5.9	6.5	6.0	Trung bình
13	2456201160266	Trương Bảo	Lộc	25/03/2008	6.5	9.1	6.1	7.6	6.2	7.3	8.3	7.0	Khá
14	2456201160267	Tổng Thị Trúc	Ly	03/12/2009	7.5	6.4	6.5	7.3	7.1	5.6	7.0	6.5	Trung bình
15	2456201160268	Trần Quang	Minh	06/11/2008	6.7	6.2	5.9	6.8	6.5	6.7	7.6	6.7	Trung bình
16	2456201160269	Lư Thị Cẩm	Nang	12/09/2009	8.3	6.6	8.1	9.0	8.9	7.7	9.1	8.4	Giỏi
17	2456201160270	Phan Văn	Nghị	23/08/2009	7.9	9.5	6.0	6.3	8.9	7.3	7.9	7.6	Khá
18	2456201160271	Lê Thành	Nghĩa	31/01/2009	8.1	8.8	5.8	7.6	8.2	7.0	8.0	7.4	Khá
19	2456201160272	Phạm Văn	Phát	05/05/2009	8.1	7.2	7.6	8.7	8.5	7.8	8.1	8.1	Giỏi
20	2456201160273	Trần Vũ	Phong	20/02/2009	0.0	2.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Động vật hại nông nghiệp(1)	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật(4)	Bệnh cây nông nghiệp(4)	Sinh thái nông nghiệp và PTBV(2)	Điểm TB	Xếp loại
21	2456201160274	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	05/08/2009	6.8	8.2	7.7	9.3	7.0	6.7	8.8	7.5	Khá
22	2456201160275	Nguyễn Đình	Quốc	10/02/2009	7.2	8.0	7.7	7.1	6.6	7.4	8.4	7.3	Khá
23	2456201160276	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	31/10/2009	8.1	9.7	8.8	8.7	9.1	8.9	9.3	9.0	Xuất sắc
24	2456201160278	Phan Hữu	Trọng	19/12/2009	7.8	9.5	6.8	8.7	8.3	8.7	8.7	8.3	Giỏi
25	2456201160280	Huỳnh Công	Vinh	06/01/2009	8.6	9.0	7.0	8.3	8.3	9.3	8.2	8.4	Giỏi

*Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 26 tháng 06 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái